

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 300/2026/DS-PT

Ngày: 06-4-2026

V/v tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Phong.

Các Thẩm phán:

Ông Trần Hữu Tính;

Ông Nguyễn Tuấn Anh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Thành - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Bà Mai Thị Đào Quyên - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 06 tháng 4 năm 2026, tại Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 912/2025/TLPT-DS ngày 17 tháng 12 năm 2025 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 261/2025/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 267/2026/QĐ-PT ngày 08 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:**

1.1. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1969;

1.2. Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Ấp E, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Nguyễn Trọng T, sinh năm 1992 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

**2. Bị đơn:** Anh Huỳnh Hữu N1, sinh năm 2001 (vắng mặt);

Địa chỉ: Khu phố M, phường S, tỉnh Đồng Tháp.

### **3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

**3.1.** Chị Đặng Thị Mỹ X, sinh năm 1982 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

**3.2.** Đỗ Thị Kim H, sinh năm 2001 (vắng mặt);

Địa chỉ: Khu phố H, phường S, tỉnh Đồng Tháp.

**4. Người kháng cáo:** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đặng Thị Mỹ X.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

#### **Theo bản án sơ thẩm,**

*\* Trong đơn khởi kiện, bản tự khai của ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị M và tại phiên tòa anh Nguyễn Trọng T trình bày:*

Ngày 19 tháng 5 năm 2022, vợ chồng ông N, bà M cho anh N1 vay số tiền 100.000.000 đồng, sau đó vay tiếp 16.000.000 đồng và sau 02 lần vay thì mới viết giấy ghi là Tờ mượn tiền ngày 19 tháng 6 năm 2023 vay thêm 24.000.000 đồng. Như vậy, sau 03 lần vay tiền thì anh N1 đã nhận đủ 140.000.000 đồng.

Lãi suất, anh N1 hứa sẽ trả 4.000.000 đồng/ tháng và trả lại vốn trong thời hạn 05 tháng nhưng chỉ hứa hẹn mà không trả.

Không có việc ông N, bà M sang tiền vay này qua cho chị X như lời anh N1 và chị X trình bày.

Nay yêu cầu anh N1 có nghĩa vụ trả cho ông bà số tiền 140.000.000 đồng. Trả khi án có hiệu lực pháp luật.

*\* Anh Huỳnh Hữu N1 là bị đơn trình bày tại bản tự khai:*

Ngày 19 tháng 5 năm 2022, anh có vay của ông N số tiền 100.000.000 đồng, có đóng tiền lãi một thời gian thì ngưng vì không có khả năng trả.

Ngày 30 tháng 4 năm 2023, vay tiếp số tiền 16.000.000 đồng.

Do không có khả năng trả vốn và lãi nên ông N dẫn theo nhóm 04 người đến nhà anh để đòi nợ, ghi lại giấy nợ là anh có nợ ông N, bà M số tiền 150.000.000 đồng.

Ông N dẫn bà X đến nhà anh để đòi nợ và sang nợ cho bà X nên anh đã chuyển khoản trả cho bà X số tiền 24.000.000 đồng. Việc sang nợ được 03 bên thống nhất tại nhà anh N1, anh N1 ghi biên nhận cho chị là nợ chị, ông N và bà M không ký vào giấy nợ vì họ nói đã thống nhất rồi thì thôi.

Biên nhận Giấy ghi Tờ mượn tiền là do anh viết.

*\* Chị Đặng Thị Mỹ X là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:*  
Tháng 01 năm 2024, chị cho ông N, bà M vay số tiền 150.000.000 đồng, lãi suất 03%/ tháng, thời hạn vay là 03 tháng. Do quen biết nên chị giảm lãi suất xuống

và mỗi tháng chỉ lấy 4.000.000 đồng, chỉ nhận được 16.000.000 đồng tiền lãi. Do ông N, bà M không trả lãi tiếp nên mới sang số nợ từ anh N1 qua cho chị.

\* **Bản án dân sự sơ thẩm số:** 261/2025/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2025 của Toà án nhân dân Khu vực 2 - Đồng Tháp đã quyết định:

- Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các điều 463, 465, 466, khoản 2 Điều 468; Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

**Xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị M.

Buộc anh Huỳnh Hữu N1 có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị M số tiền 140.000.000 đồng (*Một trăm bốn mươi triệu đồng*). Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị M có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả khoản tiền nêu trên, hàng tháng anh Huỳnh Hữu N1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

**Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ thi hành án của các đương sự theo quy định pháp luật.**

Ngày 29 tháng 9 năm 2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đặng Thị Mỹ X kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng hủy bản án sơ thẩm.

#### **Tại phiên tòa phúc thẩm,**

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đặng Thị Mỹ X vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với yêu cầu kháng cáo của chị X, Kiểm sát viên nhận định: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đặng Thị Mỹ X kháng cáo nhưng không cung cấp bổ sung tài liệu, chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên không có căn cứ chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị X, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Đặng Thị Mỹ X nộp đơn kháng cáo và thực hiện thủ tục kháng cáo hợp lệ, trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Nguyễn Thị M, Nguyễn Văn N là anh Nguyễn Trọng T có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Huỳnh Hữu N1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đỗ Thị Kim H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị M và yêu cầu kháng cáo của chị Đặng Thị Mỹ X:

Ông N, bà M khởi kiện yêu cầu anh N1 trả cho ông N, bà M số tiền vay 140.000.000 đồng. Chị X cho rằng số tiền 140.000.000 đồng anh N1 nợ ông N, bà M đã được ông N, bà M chuyển nợ sang cho chị, tuy nhiên chị X không có yêu cầu gì trong vụ án này. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N, bà M.

Chị X không đồng ý với bản án sơ thẩm nên kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng hủy bản án sơ thẩm.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của chị Đặng Thị Mỹ X, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ông N, bà M khởi kiện yêu cầu anh N1 trả cho ông N, bà M số tiền vay 140.000.000 đồng theo “tờ cam kết” (BL 16) ông N cung cấp. Anh N1 thừa nhận có nợ ông N, bà M số tiền 140.000.000 đồng theo như yêu cầu khởi kiện của ông N, bà M. Đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Như vậy, có căn cứ xác định anh N1 còn nợ ông N, bà M số tiền 140.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị X trình bày: Thời điểm ông N, bà M vay tiền chị X là vào năm 2023 chứ không phải là vào tháng 01 năm 2024 như án sơ thẩm. Tuy nhiên, chị X không có yêu cầu độc lập trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét đối với khoản nợ giữa ông N, bà M và chị X như lời chị X trình bày. Nếu chị X có yêu cầu thì có quyền khởi kiện lại vụ án khác để Tòa án xem xét giải quyết.

Chị Đặng Thị Mỹ X cho rằng giữa chị với ông N, bà M và anh N1 có thỏa thuận chuyển số nợ 140.000.000 đồng anh N1 nợ ông N, bà M nêu trên sang cho chị. Chị X cung cấp giấy đề ngày 03/10/2023 thể hiện việc anh N1 thừa nhận có nợ chị số tiền 150.000.000 đồng và bản sao kê chứng minh anh N1, chị H có chuyển tiền lãi hàng tháng của số tiền 140.000.000 đồng cho chị, tổng cộng tiền lãi là 24.000.000 đồng. Chị X còn cho rằng thỏa thuận này được thể hiện trong biên bản ghi lời khai của Cơ quan cảnh sát điều tra huyện G trước đây.

Tuy nhiên, ông N và bà M không thừa nhận có việc thỏa thuận này, biên bản ghi lời khai của Cơ quan cảnh sát điều tra huyện G trước đây cũng không thể hiện có thỏa thuận chuyển số nợ 140.000.000 đồng anh N1 nợ ông N, bà M nêu trên sang cho chị X, đồng thời chị X cũng không có chứng cứ gì chứng minh cho việc có thỏa thuận giữa chị với ông N, bà M và anh N1 nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét.

Lời khai của anh N1 tại Bút lục 67 thể hiện: “Tại nhà ông N, X yêu cầu tôi viết giấy nợ 150.000.000 đồng tôi cũng không đồng ý. Xuyên ép tôi viết thì mới cho về, tôi sợ bị hai thanh niên đánh nên tôi viết giấy nợ...” cho thấy lời khai của anh N1 trước sau là bất nhất, không phù hợp thực tế nên cần xem xét tài liệu chứng cứ là biên nhận nợ các bên cung cấp để giải quyết vụ án. Án sơ thẩm xác định anh N1 còn nợ ông N, bà M số tiền 140.000.000 đồng theo biên nhận nợ ông N, bà M cung cấp và buộc anh N1 có nghĩa vụ trả tiền cho ông N, bà M là có căn cứ. Chị X không có yêu cầu độc lập trong vụ án này, chị X kháng cáo yêu cầu hủy án nhưng không cung cấp được chứng cứ cho yêu cầu kháng cáo của mình nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét.

Việc trả lãi giữa anh N1 với chị X cũng không là căn cứ chứng minh có việc thỏa thuận chuyển nợ giữa các bên. Bởi lẽ, lời khai của anh N1 tại Bút lục 66 thể hiện: “Từ ngày 3/10/2023 đến nay tôi có chuyển khoản cho X tổng cộng 4 lần với tổng số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) tiền lãi. Xuyên nhiều lần nhắn tin đe dọa tôi, ngày 5/5/2024 X cùng với một thanh niên đến nhà chửi bới, đe dọa tôi, yêu cầu phải trả tiền”. Trong vụ án này chị X và anh N1 cũng không có yêu cầu gì đối với số tiền này nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 10 tháng 02 năm 2025, chị Đặng Thị Mỹ X nộp đơn yêu cầu Tòa án hỗ trợ thu thập tài liệu chứng cứ là các tài liệu thể hiện việc chuyển nghĩa vụ trả nợ giữa chị X, ông N, bà M và anh N1 được lưu giữ tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ. Hội đồng xét xử đã quyết định tạm ngừng phiên tòa để thu thập tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của chị X. Xét thấy, các tài liệu, chứng cứ do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ cung cấp không có các tài liệu như chị X trình bày và các tài liệu này cũng đã được Tòa án cấp sơ thẩm thu thập. Đồng thời trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Nguyễn Thị M, Nguyễn Văn N là anh Nguyễn Trọng T đã nộp “Biên bản thực hiện nghĩa vụ” thể hiện: Anh N1 đã trả cho ông N số tiền 140.000.000 đồng theo bản án sơ thẩm số 261/2025/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Đồng Tháp nên lời trình bày của chị X về việc có sự thỏa thuận chuyển nghĩa vụ trả nợ của anh N1 từ ông N, bà M qua chị X là không có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét.

Chị X kháng cáo nhưng không cung cấp, bổ sung tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo nên không có cơ sở chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

**[4]** Xét ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là có căn cứ, phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Chị X phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận theo quy định tại Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Đặng Thị Mỹ X.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 261/2025/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Đồng Tháp.

Căn cứ vào Điều 92, Điều 147, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 357, 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

#### **Xử:**

**1.** Buộc anh Huỳnh Hữu N1 có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị M số tiền 140.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi triệu đồng). Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị M có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả khoản tiền nêu trên, hàng tháng anh Huỳnh Hữu N1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

#### **2.** Về án phí:

##### **2.1.** Án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh Huỳnh Hữu N1 phải chịu 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại cho ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị M số tiền 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000976 ngày 03 tháng 10 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Gò Công, tỉnh Tiền Giang (nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 2 - Đồng Tháp).

##### **2.2.** Án phí dân sự phúc thẩm:

Chị Đặng Thị Mỹ X phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002894 ngày 29/9/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp, chị X đã nộp xong án phí phúc thẩm.

**3.** Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***

- TPT TAND TC tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND Khu vực 2 - Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Phòng THADS KV 2 - Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thanh Phong**